

Bản án số: 316 /2025/DS-PT
Ngày: 20 – 5 - 2025
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 264/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 845/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Trần Tấn P, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Kim N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Kim H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn D, sinh năm 1957;

Địa chỉ: số A L, tổ A, khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo các văn bản ủy quyền ngày 21/10/2023 và ngày 28/10/2024).

- *Bị đơn:* Trần Tấn H1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bùi Quang N1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: D tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trần Nguyễn Hạnh P1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Trọng P2, sinh năm 2000;

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2024).

+ Trần Nguyễn Triệu V, sinh năm 2005;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Nguyễn Anh D1, sinh năm 2013;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị Nguyệt Á, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Là mẹ ruột).

+ Nguyễn Thị Nguyệt Á, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Huỳnh Thị B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Thu H2, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Thu H3, sinh năm 2004;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9/ Trần Tấn H4, sinh năm 2008;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Trần Tấn H1, sinh năm 1968 và Huỳnh Thị B, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt: Trần Tấn P, Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, Nguyễn Văn D, Bùi Quang N1, Võ Trọng P2, Trần Nguyễn Triệu V, Nguyễn Thị Nguyệt Á. Vắng mặt: Trần Tấn H1, Trần Nguyễn Anh D1, Trần Tấn H4. Có đơn xin vắng mặt: Nguyễn Thị Trúc M, Huỳnh Thị B. Trần Thị Thu H2, Trần Thị Thu H3).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn Trần Tấn P, Trần Thị Kim H, Trần Thị Kim N trình bày:*

Cha của ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H là ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1940, chết năm 2019 và mẹ là bà Trần Thị H5, sinh năm 1941, chết năm 2023. Ông Đ và bà H5 có tất cả 05 người con gồm: Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn H1 và ông Trần Tấn B1 (ông B1 chết năm 2019, có 03 người con là: Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1). Ngoài ra ông Đ và bà H5 không có con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Lúc sinh thời bà H5 có tạo lập được khối tài sản là 02 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích theo Giấy chứng nhận là 5.756,3m² (diện tích đo đạc thực tế là 5.659,8m²), địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên Hộ bà Trần Thị H5.

- Thừa đất số 40, tờ bản đồ số 17, diện tích theo Giấy chứng nhận là 5.417.0m² (diện tích đo đạc thực tế là 4.693,9m²), địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên bà Trần Thị H5.

Hai thửa đất này là của cá nhân của bà Trần Thị H5, nguồn gốc là do mẹ của bà H5 là bà Trần Thị C cho bà H5. Đối với ông Đ chồng bà H5 thì có địa chỉ ở xã T, khi còn sống ông Đ cũng sinh sống ở xã T, chỉ khi về già mới về sống với bà H5 ở xã Hội X. Đất đai của ông Đ được gia đình ông Đ cho ở xã T, ông Đ đã tặng cho ông P khi còn sống.

Trước khi chết bà H5 có cho các con là ông P, bà N, bà H mỗi người một phần đất thuộc thửa đất số 46 để canh tác, đã tiến hành thủ tục đo đạc. Tuy nhiên, do ông H1 ngăn cản nên không thực hiện được thủ tục tặng cho. Sau khi bà H5 chết thì ông Trần Tấn H1 quản lý, canh tác toàn bộ thửa đất số 46. Còn đối với thửa đất số 40, trên đất có 03 căn nhà gồm: 01 căn nhà của ông H1 và gia đình đang sinh sống; 01 căn nhà cấp 4 của bà H5 và 01 căn nhà của ông B1. Hiện tại vợ ông B1 là bà Nguyễn Thị Nguyệt Á và các người con của ông B1 là Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1 đang quản lý, sử dụng căn nhà của bà H5 và ông B1. Sau khi bà H5 chết, các anh, chị em trong gia đình đã bàn bạc thống nhất phân chia di sản thừa kế của bà H5 để lại nhưng ông H1 không đồng ý. Lý do ông H1 không đồng ý vì ông H1 cho rằng trước khi chết ông Đ có để lại di chúc, định đoạt hai thửa đất trên cho ông H1 và các con của ông B1.

Nay nguyên đơn ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Trần Thị H5 là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế là 5.659,8m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5 và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế là 4.693,9m², địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên bà Trần Thị H5. Yêu cầu cộng diện tích của hai thửa đất lại rồi chia đều diện tích làm 05 kỷ phần bằng nhau cho các thừa kế của bà H5. Đối với thửa 40 có đất thổ cư, giá trị cao hơn thửa 46 cũng không yêu cầu tính giá trị chênh lệch, chỉ yêu cầu cộng lại chia đều diện tích hai thửa đất.

Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H yêu cầu nhận chung toàn bộ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.659,8m². Chia thửa đất số 40 cho ông H1 và các con của ông B1 là Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1. Nếu diện tích thửa đất 46 mà ông P, bà N, bà H nhận được nhiều hơn kỷ phần của mình thì ông P, bà N, bà H cũng yêu cầu nhận toàn bộ thửa 46, hoàn lại giá trị cho các thửa kế khác. Còn nếu thửa 46 có diện tích ít hơn kỷ phần được nhận thì ông P, bà N, bà H cũng chấp nhận, không yêu cầu hoàn giá trị chênh lệch. Đối với tài sản trên thửa đất 46 của ông H1 thì ông P, bà N, bà H không đồng ý hoàn lại giá trị cho ông H1 vì ông H1 đã canh tác đất, hưởng huê lợi từ khi bà H5 chết cho đến nay.

Đối với căn nhà của bà H5 thì ai được chia phần đất có gắn liền với căn nhà thì được quyền quản lý, sử dụng, không có yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với 03 tờ di chúc và Quyết định cho tài sản lập ngày 02/9/2018 của ông Trần Tấn Đ thì ông P, bà N, bà H xin rút lại yêu cầu này.

** Bị đơn Trần Tấn H1 trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông Đ, bà H5 là đúng như phía nguyên đơn đã trình bày. Nay ông H1 thống nhất với ông P, bà N, bà H là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.693,9m² và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.659,8m² là của cá nhân bà Trần Thị H5, nguồn gốc do mẹ bà H5 là bà Trần Thị C cho bà H5. Còn đất của cha ông là ông Đ thì ở xã T. Hiện tại ông đang canh tác toàn bộ thửa đất số 46 và 600m² của thửa số 40. Trên thửa đất số 40 có 03 căn nhà gồm 01 căn của ông H1, 01 căn nhà của bà H5 và 01 căn của ông B1. Căn nhà của bà H5 và ông B1 do các con ông B1 quản lý, sử dụng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H1 đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản do bà H5 để lại. Tuy nhiên, ông H1 yêu cầu chia di sản của bà H5 làm 06 kỷ phần bằng nhau, ông H1 yêu cầu nhận 02 kỷ phần, do ông là người chăm sóc, phụng dưỡng bà H5 khi còn sống, khi bà H5 chết ông là người lo ma chay, mồ mã, thờ cúng, đối với thửa đất số 40, 46 sau khi bà H5 chết do ông H1 là người quản lý, giữ gìn. Ông H1 yêu cầu nhận 02 kỷ phần là phần đất thuộc thửa 40 (phần có căn nhà của ông), nếu không đủ diện tích theo kỷ phần thì nhận thêm một phần của thửa 46, không đồng ý nhận giá trị đất. Đối với cây trồng, tài sản trên thửa 46 là của ông H1, ông H1 yêu cầu ai nhận đất thì có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng cho ông H1 theo định giá của Tòa án.

Đối với căn nhà của bà H5 thì ai được chia phần đất có gắn liền với căn nhà thì được quyền quản lý, sử dụng, không có yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận di chúc ngày 02/9/2018 của ông Trần Tấn Đ là hợp pháp thì ông H1 xin rút lại yêu cầu này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1 (có người đại diện hợp pháp Nguyễn Thị Nguyệt Á) trình bày:*

Thông nhất thừa đất số 40 và thừa đất số 46 là của cá nhân bà Trần Thị H5. Thông nhất lời trình bày của ông H1, đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản do bà H5 để lại. Yêu cầu chia di sản của bà H5 làm 06 kỷ phần bằng nhau, yêu cầu chia cho ông H1 02 kỷ phần, do ông H1 là người chăm sóc, phụng dưỡng bà H5 khi còn sống, khi bà H5 chết ông H1 là người lo ma chay, mồ mã, thờ cúng. Anh P1, V, D1 yêu cầu nhận 01 kỷ phần là phần đất thuộc thừa số 40 (phần có căn nhà của cha anh là ông B1).

Đối với căn nhà của bà H5 thì ai được chia phần đất có gắn liền với căn nhà thì được quyền quản lý, sử dụng, không có yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu công nhận di chúc ngày 02/9/2018 của ông Trần Tấn Đ là hợp pháp thì anh V, anh P1, anh D1 xin rút lại yêu cầu này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Trúc M trình bày:*

Chị là thành viên trong hộ bà Trần Thị H5 thời điểm cấp đất cho bà H5 ngày 12/5/2003 đối với thừa đất số 46, tuy nhiên chị xác định thừa đất số 46 là của cá nhân bà H5, chị không có công sức đóng góp gì vào thừa đất này. Nay chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với thừa đất này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B, Trần Thị Thu H2, Trần Thị Thu H3, Trần Tấn H4 trình bày:* Thông nhất yêu cầu của ông H1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Nguyệt Á trình bày:* Thông nhất yêu cầu của các con của bà là Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1, bà không có yêu cầu gì khác.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 264/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:*

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 612, 649, 650, 651, 660 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Tấn H1; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1, chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trần Thị H5 để lại, cụ thể:

- Chia cho bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P phần đất có diện tích 5.176,9m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; Đông giáp thửa 71, 70; Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa 46 (phần chia cho ông H1); H6 nam giáp thửa 47 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Chia cho anh Trần Nguyễn Hạnh P1, anh Trần Nguyễn Triệu V, anh Trần Nguyễn Anh D1 phần đất có diện tích 1.725,6m², loại đất ở tại nông thôn 150m² và đất trồng cây lâu năm 1.575,6 m², thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; Đông giáp phần còn lại của thửa 40 (phần chia cho ông H1); H6 tây giáp thửa 331 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Chia cho ông Trần Tấn H1 phần đất có diện tích 3.451,2m², trong đó có 2.968,3m² (loại đất ở tại nông thôn 150m² và đất trồng cây lâu năm 2.818,3m²), thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; Hướng Đông giáp đường bê tông; Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 40 (phần chia cho anh Hạnh P1, Triệu V, Anh D1); Hướng Nam giáp thửa 331 và 482,9 m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; Đông giáp thửa phần còn lại của

thửa 46 (phần chia cho bà H, ông P, bà N); Hướng tây giáp thửa 47; Hướng nam giáp thửa 47 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Bà N, bà H, ông P, ông H1, anh P1, anh V, anh D1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P được quyền sử dụng các loại cây trồng, tài sản trên phần đất được chia gồm có: mít loại B1 là 223 cây; mít loại B2 là 210 cây; mít loại D là 35 cây; mít loại C là 76 cây; dừa loại A là 08 cây; vú sữa loại A 01 cây; chôm chôm loại B1 02 cây; hàng rào, kết cấu trụ đá, lưới B40, diện tích 108,35m²; chòi giữ vườn: diện tích 15,33m², kết cấu: mái tole, kèo gỗ tạp, cột gỗ, vách tole, nền đất.

Bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Tấn H1 giá trị cây trồng trên đất, hàng rào, chòi giữ vườn là 751.596.971 đồng, thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Tấn H1 có yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn đã rút, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự không được miễn án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 31/12/2024, nguyên đơn gồm: ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N và bà Trần Thị Kim H có kháng cáo với nội dung: yêu cầu sửa một phần bản án theo hướng:

+ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Tấn H1 về việc yêu cầu chia thêm 01 kỷ phần diện tích 460 m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực đo là 5.659,8m² tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông H1 về việc yêu cầu ông P, bà N và bà H hoàn trả cho ông H1 giá trị cây trồng với số tiền 749.346.000 đồng trên thửa đất số 46 mà ông, bà được chia.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia cho ông P, bà N và bà H toàn bộ diện tích thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích theo giấy chứng nhận là 5.756,3m² (diện tích thực đo là 5.659,8m²) tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm;***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 264/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về tố tụng: Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N và bà Trần Thị Kim H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất xác định:

Vợ chồng cụ Trần Tấn Đ (chết năm 2019) và cụ Trần Thị H5 (chết năm 2023) có 05 người con gồm các ông, bà: Trần Tấn P, Trần Thị Kim N, Trần Thị

Kim H, Trần Tấn H1, Trần Văn B2 (chết năm 2019, có vợ là Nguyễn Thị Ánh N2 và 03 người con gồm: Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1).

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.756,3m² (thực đo là 5.659,8m²) tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là thửa đất số 46) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.417,0m² (thực đo 4.693,9m², trong đó có 300m² đất ở tại nông thôn và 4.393,9m² đất trồng cây lâu năm) tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 là di sản của cụ Trần Thị H5.

[2.2]. Về phân chia di sản thừa kế:

Các đồng thừa kế thống nhất chia di sản của cụ Trần Thị H5 bằng hiện vật, không tính giá trị chênh lệch giữa các thửa đất, giữa loại đất ở tại nông thôn và loại đất trồng cây lâu năm. Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H yêu cầu được nhận kỷ phần được hưởng tại thửa đất số 46; bị đơn và các con của ông Trần Tấn B1 yêu cầu được chia kỷ phần được hưởng tại thửa đất số 40 và một phần tại thửa đất số 46 (nếu có).

Xét thấy, sau khi ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H sống riêng thì ông Trần Tấn H1 là người sống chung, trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cụ Trần Thị H5 và trực tiếp quản lý, sử dụng đất, giữ gìn, cải tạo, bồi thổ đất, khi cụ Trần Thị H5 chết thì ông H1 lo mai táng, vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đất, thờ cúng cụ. Do vậy, cấp sơ thẩm phân chia di sản của cụ Trần Thị H5 chết để lại thành 06 kỷ phần ($10.353,7\text{m}^2 : 6 = 1.725,6\text{m}^2$), trong đó chia cho 05 người thừa kế mỗi người 01 kỷ phần, dành 01 kỷ phần chia cho ông Trần Tấn H7 để bù đắp công sức của ông là phù hợp quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự.

[2.3]. Về bồi hoàn giá trị cây trồng:

Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 11/12/2024, tổng số cây trồng và tài sản trên các phần diện tích đất thuộc kỷ phần chia cho ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H có giá trị 751.596.971 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Trần Tấn H1. Xét thấy, đây là những loại tài sản gắn liền với đất nếu di dời khi chia đất cho những người thừa kế thì sẽ gây ra thiệt hại do không còn giá trị sử dụng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H sở hữu và buộc hoàn trả giá trị là đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Như phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H là không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thị Kim N là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí, nhưng không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, do vậy Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông Trần Tấn P và bà Trần Thị Kim N được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 609, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 655, 658, 660 Bộ luật Dân sự; các điều 95, 97, 166 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 264/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về phân chia di sản và hoàn trả giá trị tài sản.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Tấn H1; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan Trần Nguyễn Hạnh P1, Trần Nguyễn Triệu V, Trần Nguyễn Anh D1, chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trần Thị H5, cụ thể:

+ Chia cho bà Trần Thị Kim N, bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P phần đất có diện tích $5.176,9\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; hướng Đông giáp thửa đất số 71, 70; hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 46 (phần chia cho ông H1); hướng Nam giáp thửa đất số 47 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

+ Chia cho anh Trần Nguyễn Hạnh P1, anh Trần Nguyễn Triệu V, anh Trần Nguyễn Anh D1 phần đất có diện tích $1.725,6\text{m}^2$ (loại đất ở tại nông thôn 150m^2 và đất trồng cây lâu năm $1.575,6\text{m}^2$) thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: hướng Bắc giáp đường T; hướng Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 40 (phần chia cho ông Trần Tấn H1); hướng Tây giáp thửa đất số 331 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

+ Chia cho ông Trần Tấn H1 phần đất có diện tích $3.451,2\text{m}^2$, trong đó: $2.968,3\text{m}^2$ (loại đất ở tại nông thôn 150m^2 và đất trồng cây lâu năm $2.818,3\text{m}^2$) thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01621 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: hướng Bắc giáp đường T; hướng Đông giáp đường bê tông; hướng Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 40 (phần chia cho anh Hạnh P1, Triệu V, Anh D1); hướng Nam giáp thửa đất số 331; và $482,9\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01620 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 đứng tên hộ bà Trần Thị H5. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: hướng Bắc giáp đường tỉnh 864; hướng Đông giáp thửa phần còn lại của thửa đất số 46 (phần chia cho bà Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N); hướng Tây giáp thửa đất số 47; hướng Nam giáp thửa đất số 47 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

+ Bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P, ông Trần Tấn H1, anh Trần Nguyễn Hạnh P1, anh Trần Nguyễn Triệu V, anh Trần Nguyễn Anh D1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P được sở hữu các loại cây trồng, tài sản trên phần đất được chia gồm có: 223 cây mít loại B1; 210 cây mít loại B2; 35 cây mít loại D; 76 cây mít loại C; 08 cây dừa loại A; 01 cây vú sữa loại A; 02 cây chôm chôm loại B1; hàng rào (kết cấu: trụ đá, lưới B40) diện tích 108,35m²; chòi giữ vườn (kết cấu: mái tole, kèo gỗ tạp, cột gỗ, vách tole, nền đất) diện tích 15,33m².

+ Bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Tấn H1 giá trị cây trồng trên đất, hàng rào, chòi giữ vườn là 751.596.971đồng.

Kể từ ngày ông Trần Tấn H1 có yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim N, Trần Thị Kim H, ông Trần Tấn P chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tấn P, bà Trần Thị Kim N được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim N 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002117 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002827 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy

